

Thứ tư, ngày 19 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phục hồi phút cuối

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/2/2020		•	
Tuần 17/2-21/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ những phút đầu phiên sáng, VN-Index đã có vận động kém tích cực khi nhanh chóng lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Tuy vậy, nhờ sự phục hồi của những cổ phiếu đã giảm mạnh trong thời qua như MSN, VNM, VIC, VN-Index tăng nhẹ trở lại. Tuy vậy, trong gần như toàn bộ thời gian phiên chiều VN-Index chịu áp lực điều chỉnh của các mã vốn hóa lớn như BID, GAS, VRE, trước khi tăng điểm vào những phút cuối phiên. Vận động giằng co với thanh khoản ở mức trung bình thấp, thị trường tiếp tục tích lũy quanh vùng đáy. Tâm lý nhà đầu tư vẫn duy trì sự thận trọng, trong bối cảnh ngày mai 20/02 cũng là ngày đáo hạn HĐTL VN30F2002.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/2/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng_1.0%. 10/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của VNINDEX là 0.1%.

Phân tích kỹ thuật: VCR_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.83 điểm**, đóng cửa 928.76. HNX-Index **-0.77 điểm**, đóng cửa 109.30.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.50); VNM (+0.46); CTG (+0.33); VPB (+0.29); MSN (+0.24).**
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.81); GAS (-0.38); VRE (-0.26); LGC (-0.12); TPB (-0.12).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,544 tỷ đồng**, -7% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.88 điểm. Thị trường có 202 mã tăng, 64 mã tham chiếu 152 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **217.30 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm NLG (26.36 tỷ), MSN (25.49 tỷ) và VIC (22.14 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.88 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

928.76

Giá trị: 2544.85 tỷ

0.83 (0.09%)

Khối ngoại (ròng): -217.3 tỷ

HNX-INDEX

109.30

Giá trị: 351.18 tỷ

-0.77 (-0.7%)

Khối ngoại (ròng): -1.88 tỷ

UPCOM-INDEX

56.40

Giá trị: 1.24 tỷ

0.15 (0.27%)

Khối ngoại (ròng): -1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.5	0.86%
Giá vàng	1,608	0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,239	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,089	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	21,086	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	5.01%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-5.13%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	11.8	NLG	26.2
STB	4.3	MSN	25.4
VJC	4.1	VIC	22.1
DGW	2.8	VRE	17.0
GEX	2.4	VNM	16.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

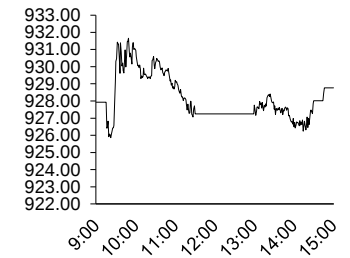
* **10/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của VNINDEX là 0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Hàng tiêu dùng	1.0%	1.1%	-3.0%	-12.7%	-12.5%	-5.2%	43.5%	17.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.6%	2.0%	1.5%	1.2%	7.3%	27.4%	98.4%	19.3%
Chiến tranh thương mại	0.4%	0.5%	-3.5%	-9.8%	-14.9%	-5.9%	2.4%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-2.0%	-6.8%	-11.5%	-7.9%	-5.0%	62.7%	13.8%
VN Diamond	0.3%	2.4%	2.9%	-0.6%	4.9%	14.3%	63.3%	17.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	0.4%	-2.5%	-5.3%	-1.7%	5.6%	54.2%	15.3%
FTSE Việt Nam	0.2%	-2.4%	-7.0%	-10.8%	-7.6%	-4.5%	69.5%	14.9%
Nước & Năng lượng	0.2%	0.6%	-2.0%	-9.7%	-8.7%	-7.0%	37.6%	14.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	0.0%	-2.2%	-7.7%	-4.7%	-2.1%	45.6%	14.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	1.6%	0.4%	-2.9%	1.7%	11.7%	65.3%	17.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	-0.6%	-5.7%	-12.2%	-15.7%	-15.7%	30.1%	21.2%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	-0.1%	-2.7%	-6.0%	-4.9%	0.0%	-1.4%	18.7%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.1%	-1.2%	-5.7%	-9.9%	-8.5%	-2.4%	44.3%	16.3%
Ngân hàng	-0.1%	2.0%	7.3%	7.9%	19.9%	25.2%	87.7%	21.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	1.3%	7.0%	4.7%	15.2%	12.3%	47.5%	19.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	0.5%	1.8%	0.8%	-1.8%	5.1%	41.1%	14.5%
VN FinSelect	-0.2%	1.4%	5.8%	2.6%	12.0%	8.2%	40.5%	17.8%
Ngành Dược	-0.3%	-1.2%	8.5%	1.4%	7.7%	10.4%	39.9%	17.7%
Dầu khí	-0.3%	-1.3%	-6.6%	-17.3%	-17.1%	-13.2%	6.0%	22.8%
Xây dựng	-0.6%	2.3%	3.0%	-10.0%	-15.1%	-21.2%	-1.0%	18.3%
Lãi suất giảm	-1.1%	-0.4%	2.5%	-2.6%	-4.4%	-3.6%	45.8%	17.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 11	0.9%	0.8%	2.0%	-0.4%	2.9%	12.4%	53.0%	18.9%
Danh mục 6	0.8%	2.3%	0.8%	-3.9%	0.2%	8.9%	67.5%	20.2%
Danh mục 17	0.6%	-0.4%	-3.4%	-9.1%	-7.9%	1.1%	115.3%	18.3%
Danh mục 14	-0.3%	0.6%	-0.3%	-4.4%	0.0%	12.7%	59.3%	15.9%
Danh mục 9	-0.3%	1.1%	-2.1%	-3.1%	4.9%	16.9%	80.7%	17.3%
* Note	12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

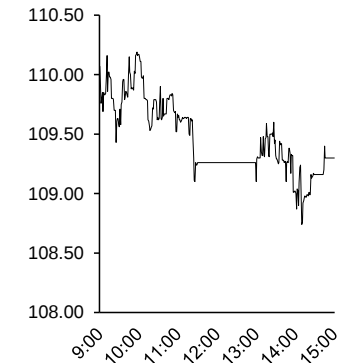
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.7%	-0.2%	-2.9%	-4.7%	-2.6%	16.6%	93.6%	16.8%
Danh mục 19	0.4%	0.1%	-4.4%	-5.6%	-0.9%	12.1%	51.9%	15.3%
Danh mục 23	0.4%	1.7%	-0.8%	-5.0%	-1.1%	4.9%	43.6%	16.8%
Danh mục 21	0.0%	0.8%	-1.7%	-5.1%	-1.3%	9.4%	52.9%	15.8%
Danh mục 20	0.0%	1.1%	-1.8%	-6.2%	-1.6%	9.1%	75.4%	16.8%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	0.1%	-1.0%	-4.0%	-8.3%	-5.2%	-2.3%	32.3%	15.4%
VN30INDEX	0.2%	0.1%	-2.4%	-7.0%	-3.2%	-3.8%	31.3%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	5.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%
Bán lẻ	1.3%
Hóa chất	1.0%
Bảo hiểm	0.7%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Ô tô và phụ tùng	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.4%
Tài nguyên Cơ bản	0.3%
Dầu khí	0.2%
Bất động sản	0.2%
Truyền thông	0.0%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Công nghệ Thông tin	-0.3%
Ngân hàng	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%
Y tế	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VCR_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiệm cận vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VCR đang trong quá trình hồi phục trở lại sau khi đã giảm giá rất sâu từ giữa năm ngoái với xuất phát điểm là vùng đỉnh 32 về ngưỡng giá 8. Hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, kéo theo đó là việc tạo Golden Cross của các đường EMA đánh dấu sự khởi đầu cho một giai đoạn tươi sáng hơn đối với VCR. Các chỉ báo kỹ thuật khác hiện cũng đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đang dần chạm vùng quá mua cho thấy có thể có sự điều chỉnh trong ngắn hạn tuy nhiên khả năng này cũng không quá cao khi lực mua vẫn đang được duy trì đều đặn. Theo đánh giá của chúng tôi, VCR có cơ hội kéo dài đợt tăng giá cho đến khi cổ phiếu tiếp cận mốc 15.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 19/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 19/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.16	0.21%	4.45%	-10.88%	-10.87%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	57.86	0.19%	3.71%	-10.07%	-11.46%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	161.46	-0.01%	6.63%	-3.14%	1.30%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1600.98	-0.04%	2.23%	2.58%	24.42%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.22	0.24%	4.17%	0.76%	20.71%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	903.00	0.08%	0.64%	-3.65%	-6.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	563.25	-0.31%	3.54%	-0.53%	4.89%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.01	0.00%	-162.00%	-2.35%	8.00%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	186.00	-43.00%	391.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đồng	USD/lb	5773.00	-0.67%	0.49%	-7.97%	-8.64%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3386.00	-0.67%	-0.53%	-6.22%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1720.00	-0.06%	-0.81%	-4.71%	-7.33%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	637.50	-0.23%	3.66%	-4.55%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.35	-2.91%	-3.05%	-4.41%	-24.89%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent tăng 8 US cent lên 57.75 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giữ nguyên ở 52.05 USD/thùng.
- Giá dầu gần như không thay đổi trong phiên giao dịch vừa qua trong bối cảnh thị trường lo ngại về ảnh hưởng của dịch do virus corona (Covid-19) đối với nhu cầu mặt hàng này nhưng nguồn cung từ Libya giảm lại ngăn giá đi xuống.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay tăng 1.3% lên 1,601 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 1.1% lên 1,603.6 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trên 1% trong phiên vừa qua để đạt trên 1,600 USD/ounce sau khi hãng Apple bất ngờ lên tiếng cảnh báo về tác động của sự bùng phát Covid-19 làm gia tăng mối lo ngại về sự yếu kém của kinh tế toàn cầu, thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến với những tài sản có ít rủi ro. Apple cho biết họ khó có thể cung ứng đủ hàng cho tới tháng 3 vì sự bùng phát của coronavirus đang gây áp lực lên chuỗi cung ứng của họ.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 1.4% lên 639.5 CNY (91.32 USD)/tấn vào cuối phiên. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tiếp tục nổi dài chuỗi những phiên đi lên do lo ngại thiếu hụt nguồn cung sau khi hãng Rio Tinto giảm dự báo về xuất khẩu quặng sắt từ khu vực Pilbara của Australia. Rio dự báo xuất khẩu từ Pilbara năm 2020 sẽ đạt 324 triệu đến 334 triệu tấn, thấp hơn mức bình thường là khoảng 330 – 343 triệu tấn.

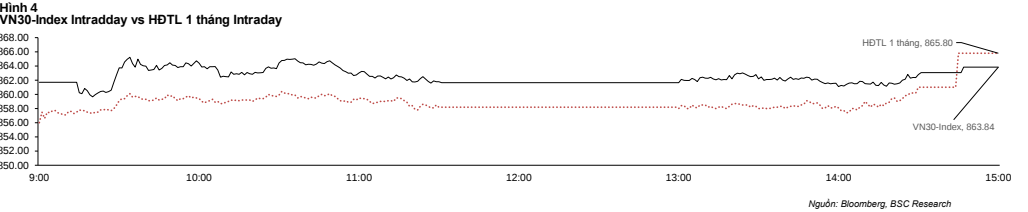
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 7 trên sàn giao dịch Tokyo (TOCOM) đóng cửa tăng 2.3 JPY (1.3%) lên 186.8 JPY/kg. Giá cao su trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0.7% lên 11,660 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 tăng 0.22 US cent (1.5%) lên 15.28 US cent/lb Đường trắng giao tháng 5 tăng 7.3 USD (1.78%) lên 416.8 USD/tấn. Giá đường đang trong xu hướng đi lên do dự báo thiếu hụt nguồn cung trong vụ này, với lo ngại gần đây nhất là từ Thái Lan.
- Hiệp hội các nhà máy Đường Ấn Độ (ISMA) dự báo xuất khẩu đường của nước này có thể tăng trong những tháng tới, khả năng đạt trên 5 triệu tấn trong năm 2019/20 do giá đường thế giới tăng.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 2.5 US cent (2.25%) xuống 1.0885 USD/lb vào cuối phiên. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2020 mất 21 USD (1.6%) xuống 1,293 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	865.80	1.14%	1.96	10.7%	82723	2/20/2020	3
VN30F2003	862.50	0.41%	-1.34	174.0%	6182	3/19/2020	31
VN30F2006	866.00	0.34%	2.16	19.4%	37	6/18/2020	122
VN30F2009	867.00	0.35%	3.16	-95.8%	15	9/17/2020	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.13 điểm lên mức 863.84 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, MWG, MSN, và PNJ tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giảm nhẹ đầu phiên sáng xuống dưới 860 điểm, sau đó giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại tích lũy quanh vùng 861-865 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 860-870 điểm trong các phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSBT2001	KIS	12/16/2020	301	1.1	9,400	n/a	2.0 triệu	19.82%	2,900	4,850	44.35%	2,515.00	1.93
CHPG1907	SSI	4/22/2020	63	1.1	43,970	-54.3%	1.0 triệu	26.52%	4,200	4,990	36.34%	2,624.00	1.90
CROS2001	KIS	6/19/2020	121	4.1	1,391,320	83.6%	10.0 triệu	46.32%	1,500	170	30.77%	-	
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	65	5.1	648,640	274.5%	2.0 triệu	21.57%	2,200	1,630	12.41%	918.90	1.77
CDPM2001	KIS	6/19/2020	121	2.1	195,030	-10.4%	2.0 triệu	27.93%	1,000	450	9.76%	175.30	2.57
CVNM2001	HSC	6/22/2020	124	10.1	185,470	162.6%	5.0 triệu	19.74%	1,700	770	6.94%	147.10	5.23
CFPT1905	SSI	4/22/2020	63	1.1	62,650	-0.1%	1.0 triệu	22.63%	9,900	4,480	6.16%	2,692.00	1.66
CVPB1901	VND	3/5/2020	15	1.1	56,400	-36.4%	2.0 triệu	24.58%	3,500	9,720	5.42%	9,835.10	0.99
CMWG2002	MBS	4/24/2020	65	10.1	151,420	-32.9%	2.0 triệu	23.48%	1,950	1,440	5.11%	771.20	1.87
CVPB2001	HSC	6/22/2020	124	2.1	30,190	-41.5%	5.0 triệu	24.58%	1,500	4,320	4.35%	4,064.50	1.06
CFPT1908	MBS	6/17/2020	119	3.1	123,500	-55.6%	2.4 triệu	22.63%	3,150	2,350	0.86%	1,416.10	1.66
CVJC1902	SSI	4/22/2020	63	1.1	7,820	-53.0%	1.0 triệu	17.48%	27,900	10,500	0.10%	3,463.90	3.03
CHPG2003	MBS	5/4/2020	75	3.1	391,950	-84.3%	6.0 triệu	26.52%	1,570	930	-2.11%	8.00	116.25
CHPG1909	KIS	5/15/2020	86	2.1	204,900	-50.8%	5.0 triệu	26.52%	1,800	910	-2.15%	365.40	2.49
CTCB1902	VND	6/5/2020	107	1.1	107,630	14.0%	2.0 triệu	22.69%	5,300	3,910	-2.98%	3,133.90	1.25
CHDB2001	KIS	6/19/2020	121	2.1	45,360	5.5%	5.0 triệu	23.32%	2,000	1,970	-3.90%	1,458.20	1.35
CHDB2002	MBS	4/10/2020	51	2.1	100,630	-24.3%	1.5 triệu	23.32%	1,950	1,910	-4.50%	1,412.50	1.35
CMBB2001	HSC	6/22/2020	124	2.1	105,520	100.8%	5.0 triệu	20.33%	1,600	1,480	-5.73%	767.70	1.93
CSTB2001	KIS	6/19/2020	121	1.1	205,120	-21.9%	5.0 triệu	21.86%	1,500	1,740	-5.95%	890.20	1.95
CMBB1905	HSC	4/8/2020	49	2.1	319,970	32.7%	5.0 triệu	20.33%	1,700	560	-11.11%	107.10	5.23
CMBB1903	SSI	4/22/2020	63	1.1	120,590	143.7%	3.0 triệu	20.33%	4,000	1,510	-11.18%	626.40	2.41
CVRE2003	KIS	12/16/2020	301	2.1	20	n/a	3.0 triệu	25.31%	3,000	1,870	-32.49%	428.20	4.37
CVNM2002	KIS	12/16/2020	301	5.1	20	n/a	3.0 triệu	19.74%	3,200	1,870	-34.84%	173.20	10.80
CVJC2001	KIS	12/16/2020	301	10.1	2,030	n/a	2.0 triệu	17.48%	2,400	1,250	-41.04%	49.40	25.30

Tổng: 4,507,500 75.90 triệu 23.99%**

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/2/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.

- Về giá, CVJC2001, CVNM2002, và CVRE2003 giảm mạnh lần lượt là -41.04%, -34.84%, và -32.49%. Trái lại, CSBT2001 và CHPG1907 tăng mạnh nhất lần lượt là 44.35% và 36.34%. Thanh khoản thị trường giảm -25.06%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 23.13% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là TCB và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	27.80	1.46	0.93
VNM	106.40	0.85	0.68
MWG	110.50	1.47	0.64
MSN	50.40	1.41	0.45
PNJ	85.50	2.15	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	11.4	-1.30	-0.37
MBB	21.6	-0.69	-0.29
VRE	30.2	-1.31	-0.23
FPT	55.7	-0.54	-0.22
TCB	23.7	-0.21	-0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSBT2001	24,011	21,111	22,000
CHPG1907	25,200	21,000	23,250
CROS2001	32,468	26,468	8,520
CPNJ2001	94,500	83,500	85,500
CDPM2001	16,567	14,567	12,200
CVNM2001	137,000	120,000	106,400
CFPT1905	64,900	55,000	55,700
CVPB1901	21,500	18,000	27,800
CMWG2002	129,500	110,000	110,500
CVPB2001	23,000	20,000	27,800
CFPT1908	63,450	54,000	55,700
CVJC1902	157,900	130,000	128,400
CHPG2003	26,810	22,100	23,250
CHPG1909	28,280	24,680	23,250
CTCB1902	26,300	21,000	23,650
CHDB2001	33,099	29,099	28,500
CHDB2002	29,900	26,000	28,500
CMBB2001	24,200	21,000	21,600
CSTB2001	12,499	10,999	11,400
CMBB1905	26,400	23,000	21,600
CMBB1903	26,000	22,000	21,600
CVRE2003	43,999	37,999	30,150
CVNM2002	157,111	141,111	106,400
CVJC2001	197,137	173,137	128,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.5	1.5%	0.8	2,177	3.2	8,655	12.8	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	85.5	2.2%	1.1	837	2.6	5,327	16.0	4.2	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.4	0.5%	1.2	1,820	0.4	1,632	34.5	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	0.6%	0.8	321	0.0	2,859	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	105.0	0.5%	0.9	15,442	4.0	2,268	46.3	4.7	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	30.2	-1.3%	1.1	2,979	2.0	1,253	24.1	2.5	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.1	0.2%	0.8	2,281	1.8	3,563	15.2	2.4	6.7%	16.3%
REE	Bất động sản	35.2	0.1%	1.0	474	0.5	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.3	-3.1%	1.6	280	0.7	2,849	4.3	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.6	0.3%	1.4	396	1.3	1,787	9.8	1.0	55.0%	9.9%
VCI	Chứng khoán	28.1	-0.7%	1.0	201	0.0	4,218	6.7	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.9	-0.5%	1.8	250	0.7	1,421	13.3	1.3	55.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.7	-0.5%	0.9	1,643	1.7	4,225	13.2	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	45.9	1.5%	0.4	496	0.0	4,156	11.0	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	85.3	-0.8%	1.5	7,098	0.6	6,096	14.0	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	52.9	0.2%	1.5	2,739	0.8	3,495	15.1	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.4	1.2%	1.5	341	0.8	1,529	10.7	0.6	20.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.7	0.0%	0.8	1,038	0.2	1,163	6.6	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	97.0	-1.1%	0.5	551	0.1	4,668	20.8	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.2	1.7%	0.6	208	0.1	902	13.5	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.2	0.2%	0.6	142	0.1	683	9.1	0.5	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.5	0.1%	1.2	14,432	1.0	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	51.3	-1.3%	1.7	8,971	0.8	2,398	21.4	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	27.0	1.1%	1.6	4,371	6.9	2,541	10.6	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.8	1.5%	1.2	2,946	3.6	3,370	8.3	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.6	-0.7%	1.1	2,204	4.3	3,480	6.2	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	26.3	-1.1%	1.2	1,894	5.8	3,686	7.1	1.6	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	43.8	-0.5%	0.8	156	0.2	5,165	8.5	1.5	80.5%	17.2%
NTP	Nhựa	31.0	0.0%	0.2	132	0.0	4,167	7.4	1.2	19.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-0.7%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.3	-0.2%	1.1	2,791	5.5	2,581	9.0	1.3	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.1	-1.0%	1.8	148	0.9	1,161	6.9	0.6	18.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	106.4	0.9%	0.8	8,056	3.7	5,478	19.4	6.7	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	178.0	0.0%	0.8	4,963	0.8	7,477	23.8	6.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.4	1.4%	1.2	2,562	4.0	4,772	10.6	1.4	38.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	22.0	1.6%	0.4	561	2.5	508	43.3	1.8	6.4%	4.4%
ACV	Vận tải	59.6	-0.3%	0.8	5,641	0.2	2,630	22.7	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.4	-0.2%	1.1	2,924	2.1	7,889	16.3	4.4	19.5%	28.7%
HAV	Vận tải	26.9	0.0%	1.7	1,659	0.3	1,640	16.4	2.1	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	20.0	0.0%	0.9	258	0.2	1,595	12.5	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.5	-0.7%	0.6	165	0.3	2,421	5.6	0.9	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.0	-1.3%	1.1	529	0.4	8,824	8.6	3.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.1	2.8%	0.7	353	0.3	1,454	12.4	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	1.1%	0.9	239	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.0	0.0%	0.9	232	0.4	8,858	7.9	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	1.0	476	0.0	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.3	-0.9%	0.3	251	0.6	1,750	13.3	1.1	50.7%	8.8%
POW	Điện	10.5	1.0%	0.6	1,064	0.9	1,064	9.8	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	20.2	-1.0%	0.5	252	0.1	2,577	7.8	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	105.00	0.48	0.49	875320.00
VNM	106.40	0.85	0.46	794470.00
CTG	27.00	1.12	0.33	5.90MLN
VPB	27.80	1.46	0.29	3.03MLN
MSN	50.40	1.41	0.24	1.82MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	0.00	-0.82	372250.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.39	166790.00	607060.00
VRE	0.00	-0.27	1.56MLN	373600.00
LGC	-0.01	-0.13	30.00	192700.00
TPB	0.00	-0.13	124780.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCL	6.12	6.99	0.01	302050.00
ST8	15.30	6.99	0.01	11550.00
DTL	9.21	6.97	0.01	70.00
VOS	1.69	6.96	0.00	316240.00
HRC	42.30	6.95	0.02	20.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.58	-7.00	0.00	2740.00
CDC	15.35	-6.97	-0.01	180.00
VID	4.28	-6.96	0.00	6020.00
HOT	35.50	-6.95	-0.01	70.00
SVT	6.84	-6.94	0.00	1010.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	16.40	1.23	0.05	1.18MLN
IDJ	13.80	9.52	0.04	393100.00
SLS	59.90	9.91	0.03	16500.00
VIF	18.80	4.44	0.03	1400.00
L14	56.70	3.09	0.02	55900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	26.30	-1.13	-0.48	5.09MLN
SHB	7.00	-4.11	-0.40	6.81MLN
NVB	8.80	-1.12	-0.04	2.12MLN
VCS	76.00	-1.30	-0.03	110700.00
TVC	31.30	-2.80	-0.03	185000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

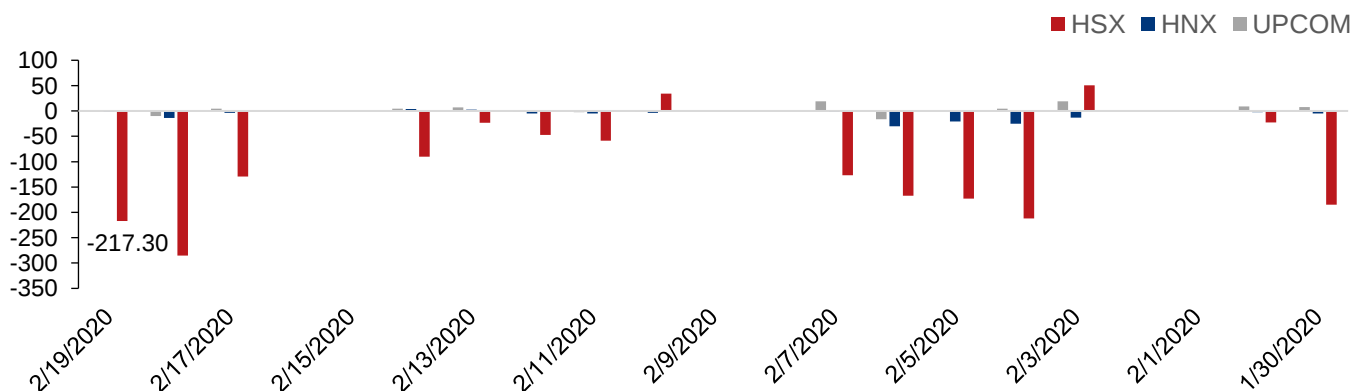
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.7	0.01	626700.00
HKB	0.70	16.7	0.00	558900.00
BII	0.80	14.3	0.00	41700.00
SPI	0.90	12.5	0.00	48400.00
PVX	1.00	11.1	0.02	312600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.80	-11.11	0.00	208700.00
CET	2.70	-10.00	0.00	300.00
S74	3.60	-10.00	0.00	100.00
SMT	21.60	-10.00	-0.01	1000.00
VCM	38.00	-9.95	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	97.0	4,668	20.8	3.8	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	28.9	5,020	5.8	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	85.5	5,327	16.0	4.2	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.5	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	167.7	29,035	5.8	4.6	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.3	0	38.0	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	110.5	8,655	12.8	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	26.3	3,686	7.1	1.6	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.3	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.7	2,881	8.2	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.5	5,004	17.9	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.7	7,028	3.9	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	55.7	4,225	13.2	2.7	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	28.1	3,897	7.2	1.3	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.9	2,236	7.1	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.2	2,846	10.3	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.4	4,772	10.6	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.4	5,478	19.4	6.7	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.3	3,700	5.8	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn